

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 23 - 8 - 2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Gia.

2. Ông Lê Đình Khôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc T – sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp TT, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N – sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số nhà 1959, tổ 1, ấp TT, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T và chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Yến N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2017. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải đoàn tụ nhưng tình hình của vợ chồng không thay đổi. Từ tháng 02/2022 đến nay, anh và chị N sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Phạm Anh K – sinh ngày: 12/4/2018.

Từ khi vợ chồng anh ly thân nhau đến nay, cháu K do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quốc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2017. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ, con. Gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng nhưng vẫn không thành. Từ tháng 02/2022 đến nay, chị và anh T sống ly thân nhau. Nay anh T yêu cầu ly hôn, do chị vẫn còn thương yêu chồng con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Phạm Anh K – sinh ngày: 12/4/2018.

Từ khi vợ chồng chị ly thân nhau đến nay, cháu K do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang kinh doanh quán bán cà phê, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn anh Phạm Quốc T giao nộp: CMND của anh T (bản sao); Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân của anh T và chị N (bản chính); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 07/7/2022 của anh T (bản chính); Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 05/8/2022 của anh T (bản chính). Bị đơn chị Nguyễn Thị Yến N giao nộp: Bản tự khai ngày 19/7/2022 của chị N (bản chính); Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 05/8/2022 của chị N (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/7/2022 đối với chị Nguyễn Thị Yến N; 02 Biên bản xác minh tại địa phương ngày 29/7/2022. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh T và chị N đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh Phạm Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Phạm Anh K – sinh ngày: 12/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Phạm Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh T và chị N kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị buộc Anh Phạm Quốc T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Yến N. Chị N đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị Yến N là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh T và chị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Anh T và chị N kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX vào ngày 27/6/2017. Nay anh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2017. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T yêu cầu ly hôn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị N thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến

vợ, con. Tuy nhiên, chị N không đồng ý ly hôn do chị vẫn còn thương yêu chồng, con.

Qua ý kiến thừa nhận của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương (bút lục 25 – 26) thể hiện trong cuộc sống chung của anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc T là cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N.

[3.2]. Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Phạm Anh K – sinh ngày: 12/4/2018.

Anh T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bản thân chị N có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Từ khi anh T và chị N sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị N. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Anh K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Anh T và chị N kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Anh Phạm Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc T.
Cho anh Phạm Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Yến N.

2. Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Phạm Anh K – sinh ngày: 12/4/2018.

Giao con chung cho chị Nguyễn Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Phạm Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T và chị N kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phạm Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002629 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Anh T và chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PX: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 49, cấp ngày 27/6/2017);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi